



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy Điện Cần Đơn

Ngày 30/09/2025	14,150 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.4%	6.6%	7.3%

DT thuần Q3/25
186
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 87.0 88.2%
YoY: ▲ 6.00 3.5%

LN thuần Q3/25
131
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 84.8 185%
YoY: ▲ 21.0 19.5%

LN sau thuế Q3/25
106
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 69.2 189%
YoY: ▲ 17.6 20.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
71.8%
YoY: +/- ▲ 19.7%

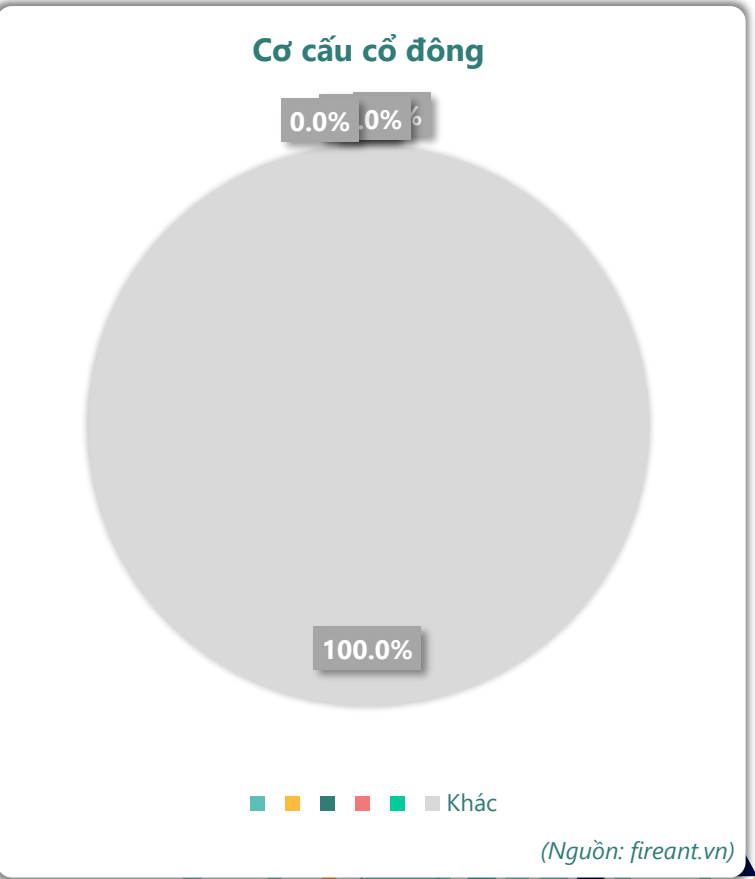
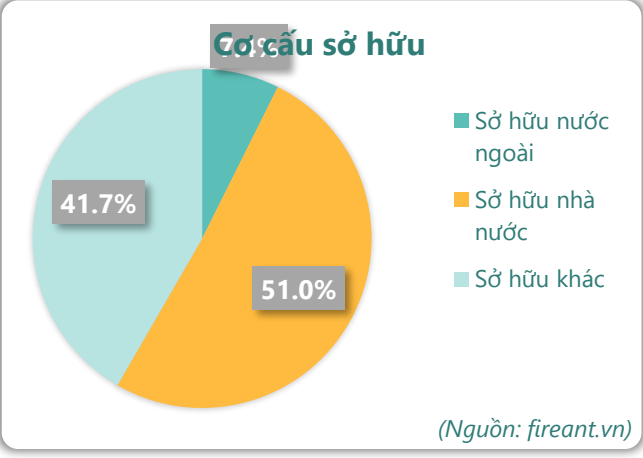
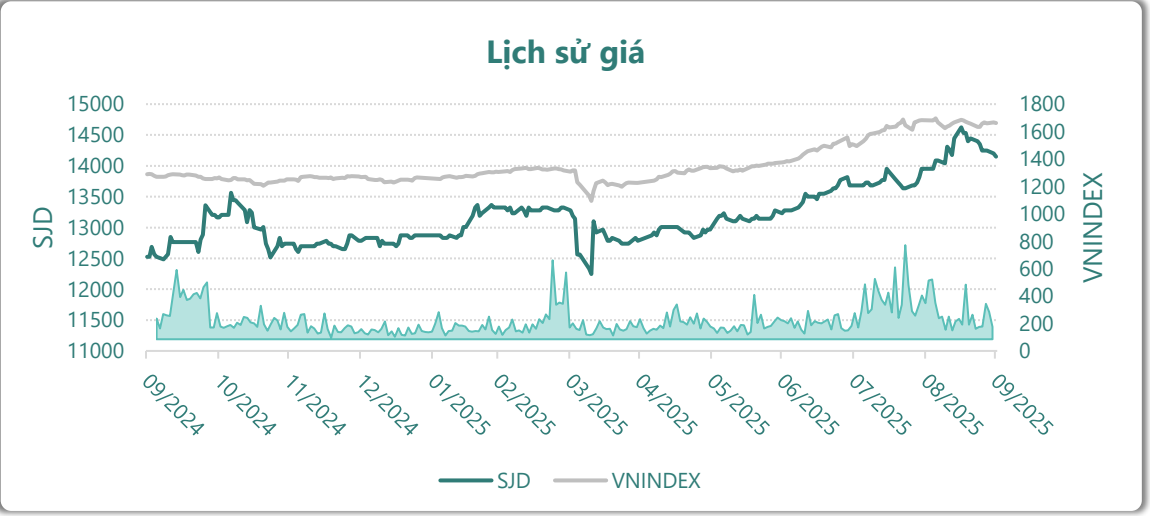
ROE (TTM) Q3/25
6.0%
YoY: +/- ▼ 9.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,247 - 14,624
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	976
Số lượng CPLH (CP)	68,998,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)	293,130
Sở hữu nước ngoài	7.4%
Beta	0.36
EPS	894
P/E	15.8

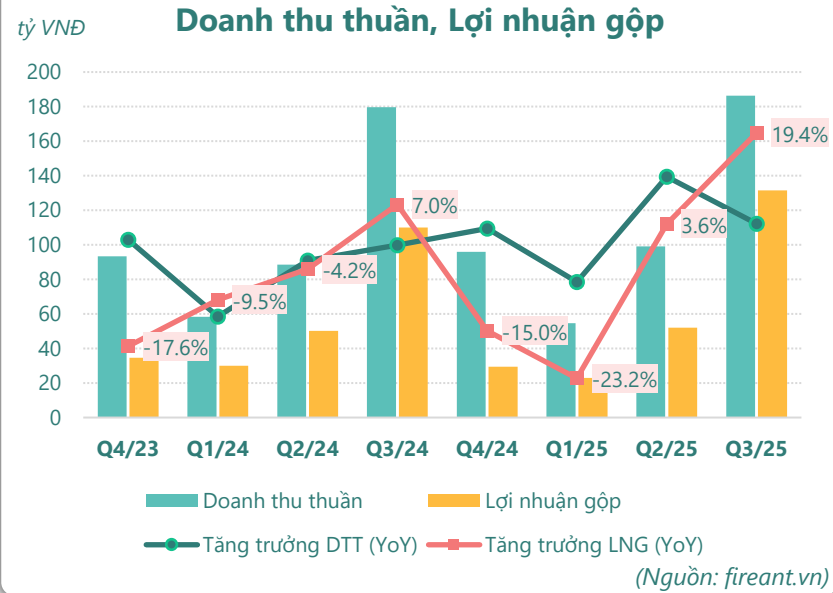
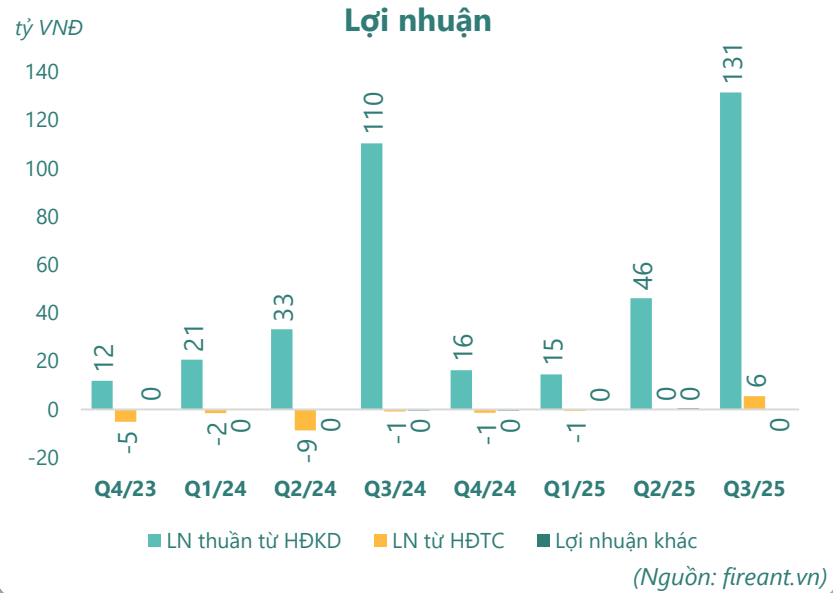
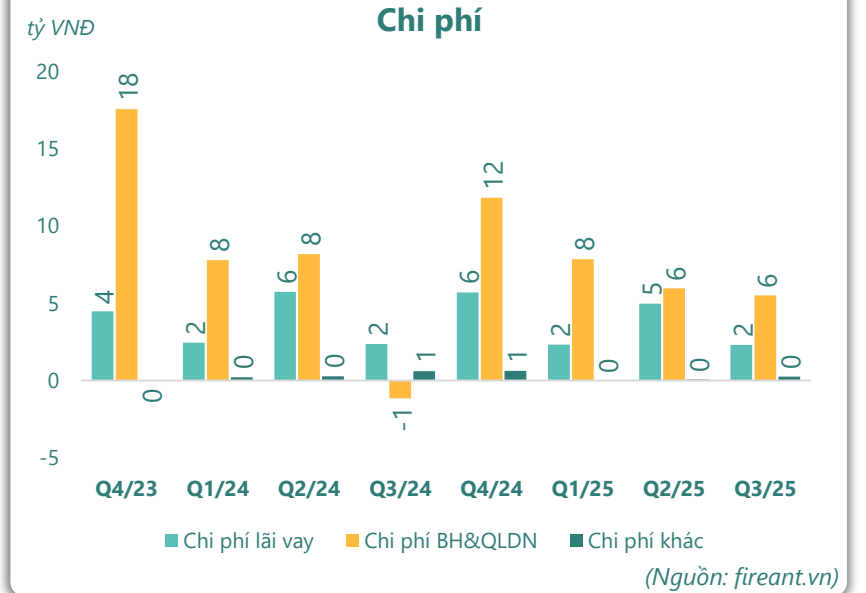
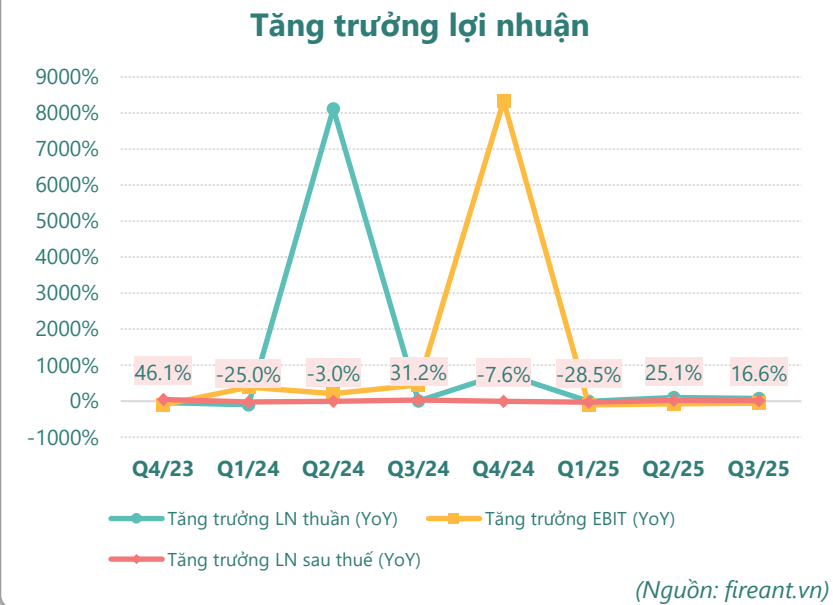
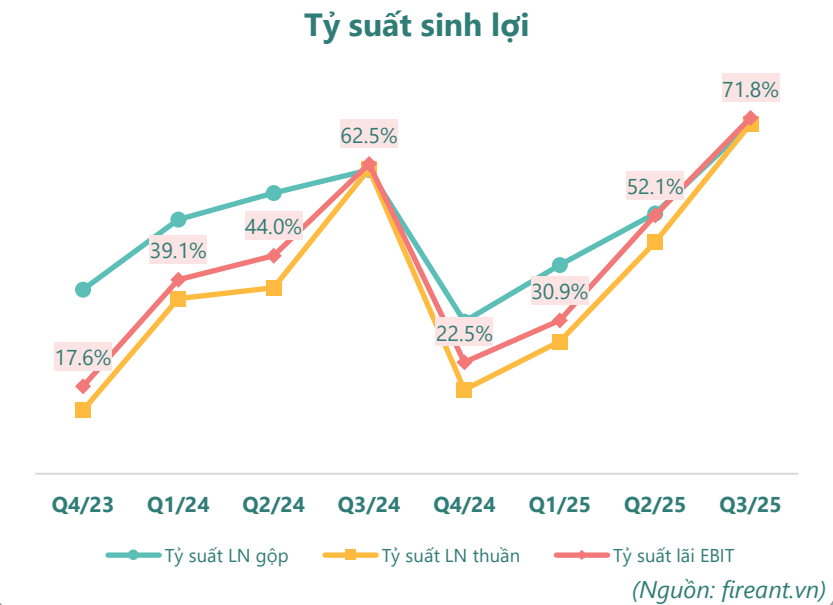
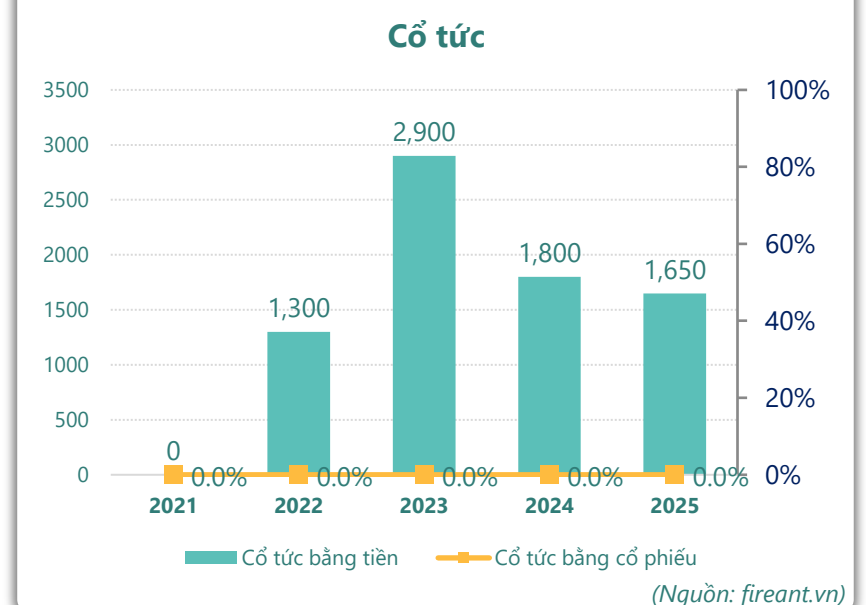
DT thuần 9T 2025
340
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.0 4.1%

LN thuần 9T 2025
192
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.0 17.0%

LN sau thuế 9T 2025
154
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0 18.9%



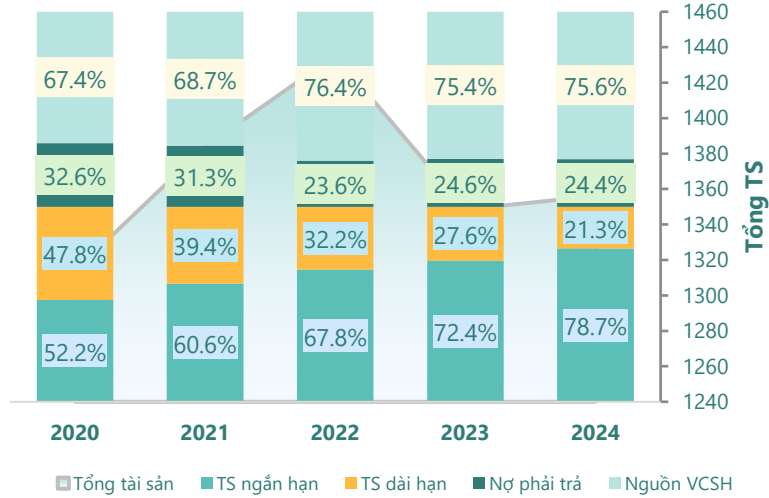
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

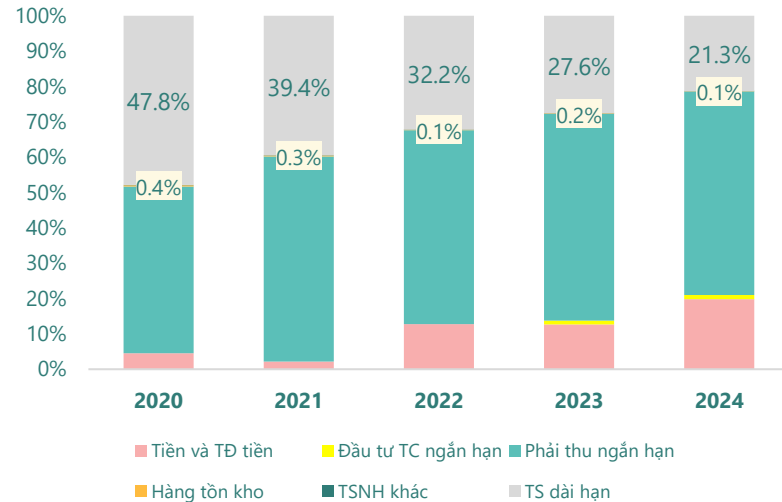
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

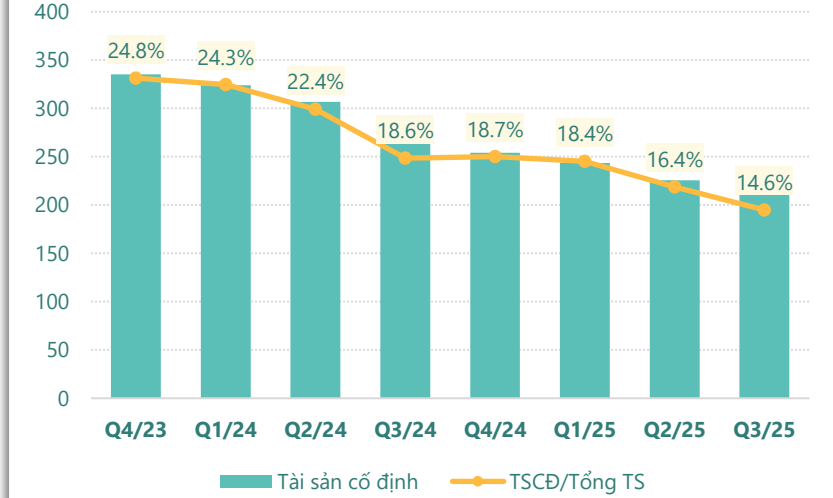
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

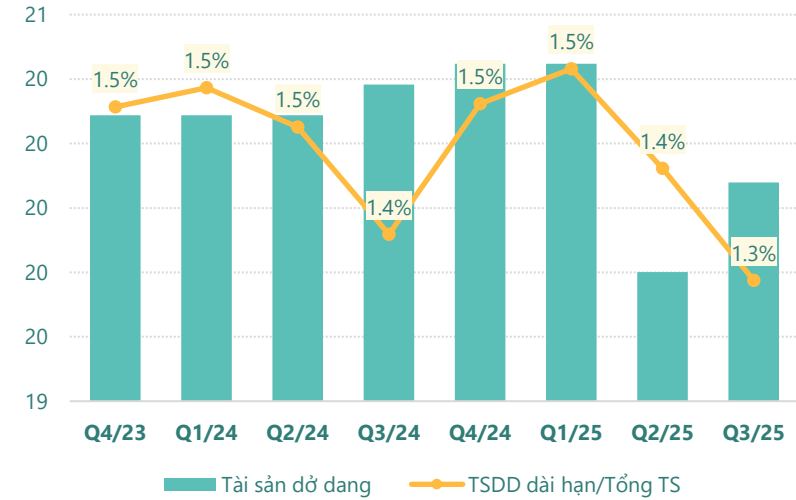
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

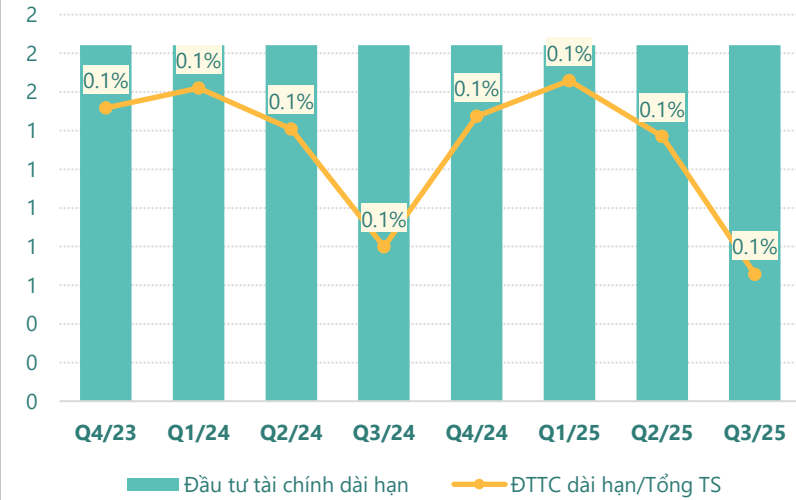
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

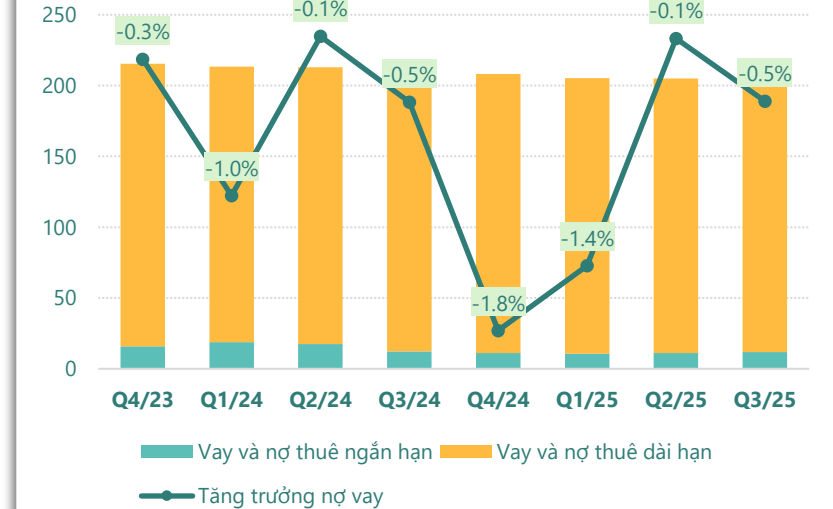
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

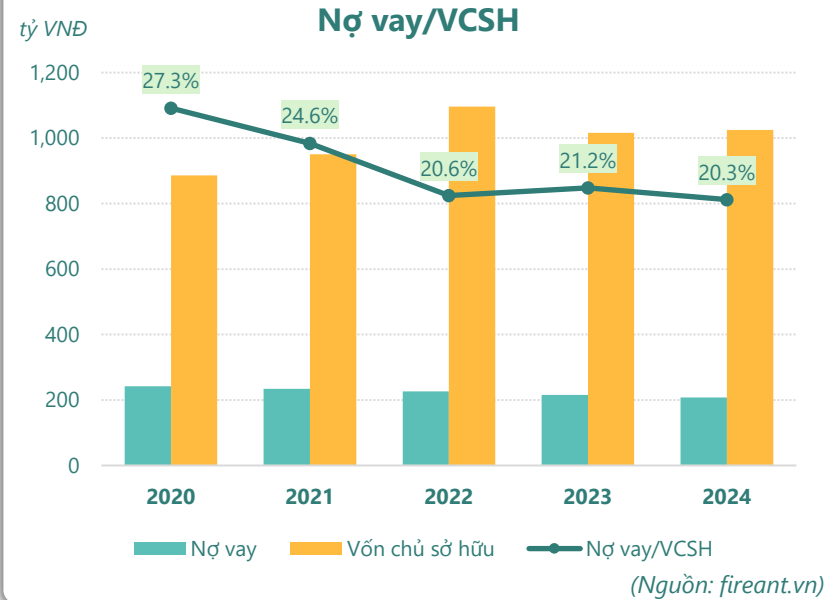
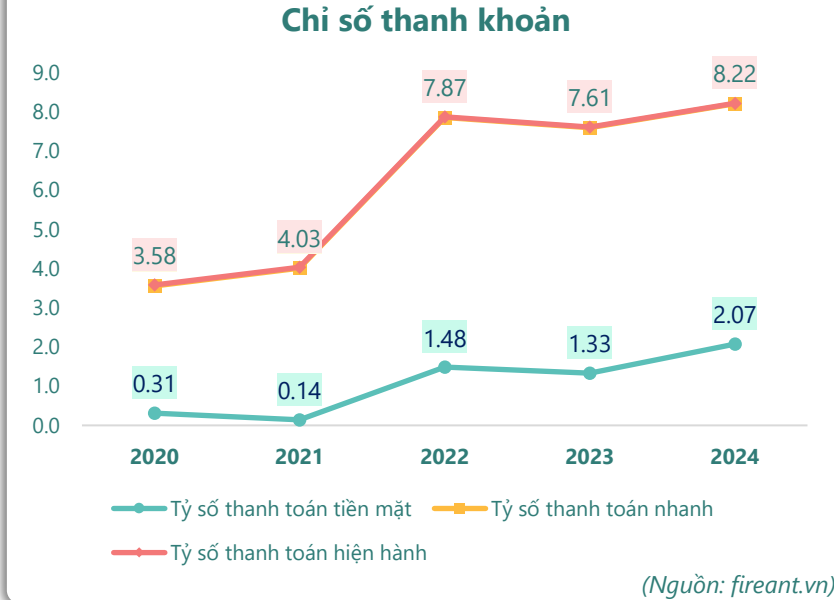
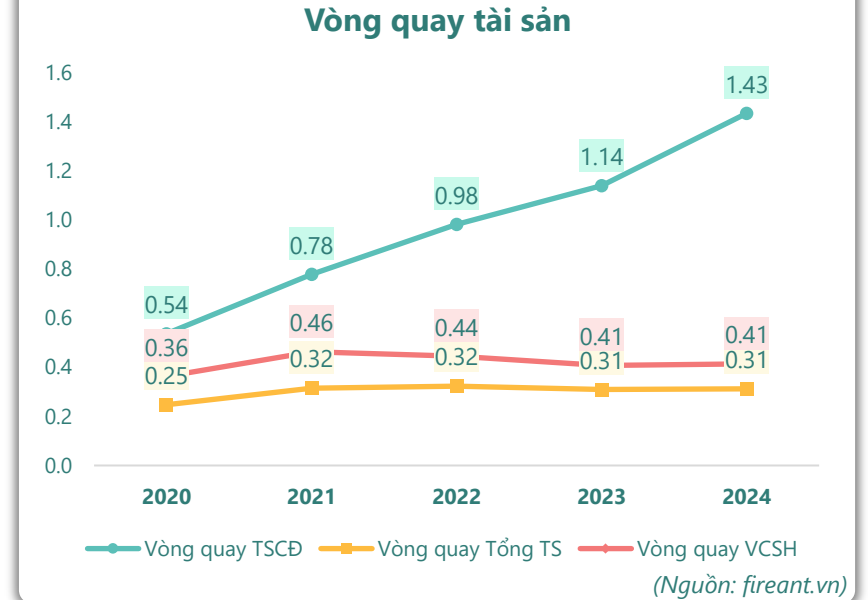
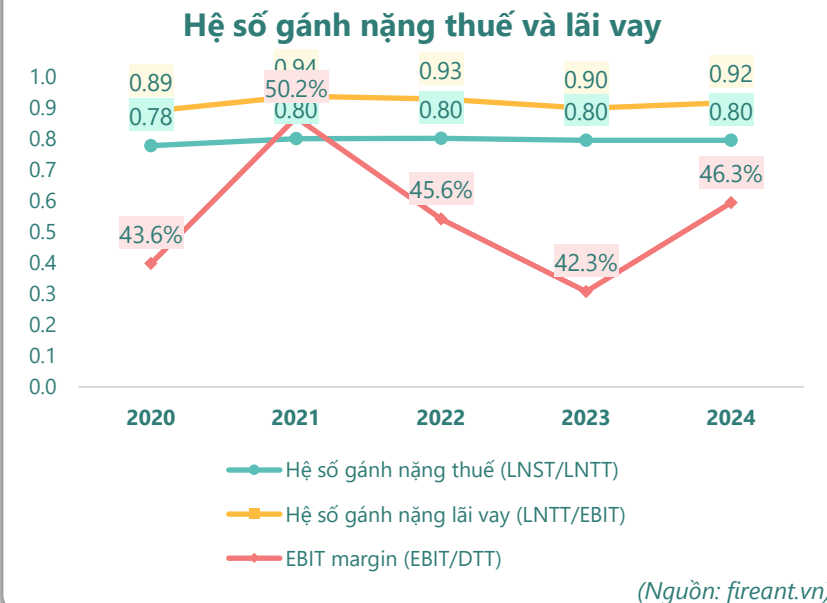
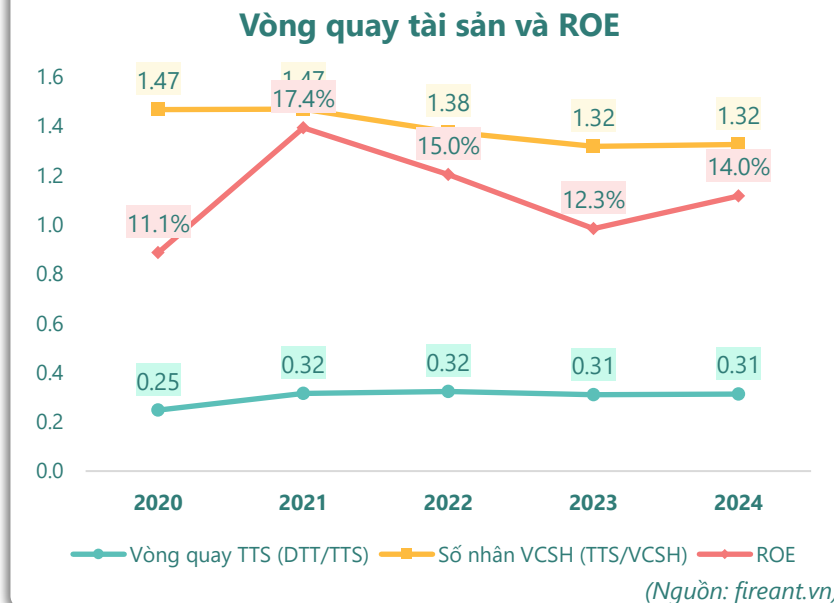
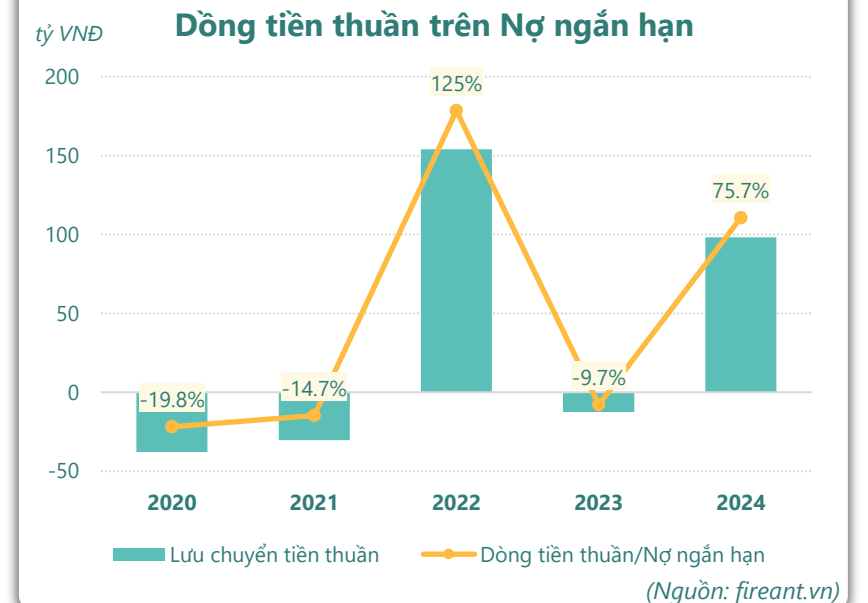
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	186	180	3.5%	340	327	4.1%
Giá vốn hàng bán	54.9	69.6	-21.1%	134	136	-2.1%
Lợi nhuận gộp	131	110	19.5%	206	190	8.5%
Doanh thu HĐTC	7.87	1.59	395%	17.4	3.62	382%
Chi phí TC	2.31	2.38	-2.8%	12.2	14.7	-16.7%
Chi phí lãi vay	2.31	2.37	-2.4%	9.61	10.6	-9.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	5.51	-1.16	575%	19.4	14.8	30.4%
LN thuần từ HĐKD	131	110	19.5%	192	164	17.0%
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.50	89.0%	0.36	-0.73	150%
LN trước thuế	131	110	19.5%	193	164	17.8%
Lợi nhuận sau thuế	106	88.4	20.3%	154	130	18.9%
LNST của CĐ cty mẹ	0.72	88.0	-99.2%	49.2	130	-62.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.0	24.5	152	-37.1	-3.18	25.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.61	12.0	6.89	1.77	-18.4	12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.80	-1.05	-120	-2.95	0	-1.00
Tiền đầu kỳ	156	195	231	269	231	209
Lưu chuyển tiền thuần	38.8	35.4	38.8	-38.2	-21.5	36.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	195	231	269	231	209	246

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,515	1,356	11.8%
Tài sản ngắn hạn	1,242	1,067	16.4%
Tiền và tương đương tiền	246	269	-8.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	15.0	167%
Phải thu ngắn hạn	953	781	22.0%
Hàng tồn kho	3.17	1.62	95.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0.37	-15.6%
Tài sản dài hạn	273	289	-5.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	222	254	-12.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.1	20.4	-1.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.84	1.84	0.0%
Tài sản dài hạn khác	29.6	12.2	143%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	460	331	39.2%
Nợ ngắn hạn	264	130	103%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.7	11.2	4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.1	52.4	-10.2%
Nợ dài hạn	197	201	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	192	197	-2.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,055	1,025	2.9%
Vốn chủ sở hữu	1,055	1,025	2.9%
Vốn điều lệ	690	690	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

